

Bản án số: 305/2021/HNGĐ-ST

Ngày 06 – 5 – 2021

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Ngọc Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Phục
2. Bà Phan Thị Thuý Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Phương là Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Gấm - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2021, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 970/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị T - sinh năm 1977; HKTT : ấp D, xã P, huyện H, tỉnh Hậu Giang; Trú tại: Chung cư H, hẻm I, Phường Y, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Đỗ Văn T1 - sinh năm 1977; HKTT ấp D, xã P, huyện H, tỉnh Hậu Giang; Trú tại: Chung cư H, hẻm I, Phường Y, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 30 tháng 10 năm 2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn – bà Lê Thị T trình bày:

Bà và ông Đỗ Văn T1 do gia đình hai bên cậy người mai mối, gia đình tổ chức lễ cưới, chung sống với nhau từ năm 1995, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh C (nay là tỉnh Hậu Giang) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 300/TP/2001, quyền số 02 ngày 20/8/2001.

Sau khi cưới nhau vợ chồng sống tại ấp D, xã P, huyện H, tỉnh Hậu Giang được mấy năm thì lên Thành phố Hồ Chí Minh thuê nhà chung sống, từ năm 2019 chuyển về sống tại căn hộ Chung cư H, hẻm I, Phường Y, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do

bất đồng quan điểm, tính tình ông T1 thường hay nhậu nhẹt về đánh vợ con, đập phá đồ đạc, đánh bài gây nợ nần nhiều năm, không quan tâm lo lắng cho vợ con, bà đã chịu đựng hơn 10 năm nay chỉ vì nghĩ cho con cái nên bà cố gắng chịu đựng. Nay bà không thể tiếp tục chịu đựng cuộc sống vợ chồng, không còn tình cảm gì nên bà yêu cầu ly hôn với ông Đỗ Văn T1 để ổn định cuộc sống

- Về con chung: Có 02 con chung tên Đỗ Thị Mỹ D, sinh năm 1998 (đã trưởng thành nên không yêu cầu tòa án giải quyết) và Đỗ Thị Thảo V, sinh ngày 04/12/2006. Ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là trẻ Đỗ Thị Thảo V và không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà T khai không có.

Bị đơn ông Đỗ Văn T1 trình bày:

Quá trình vợ chồng kết hôn và chung sống đúng như bà T trình bày, ông T1 thừa nhận bản thân ông tính tình nóng nảy, nhậu về có hành vi đánh đập vợ con, đánh bài gây nợ nần, vợ chồng thường tranh cãi về chuyện tiền bạc, ông cũng biết là lỗi của mình, nhiều lần xin lỗi bà T để vợ chồng hàn gắn. Hiện nay, bản thân ông đã cố gắng thay đổi, sửa lỗi, lo làm trả nợ nhưng do đi làm xa nên không có thời gian hòa giải vợ chồng. Nay bà T yêu cầu ly hôn ông T1 không đồng ý vì ông còn thương vợ và các con.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Đỗ Thị Mỹ D, sinh năm 1998 (đã trưởng thành) và Đỗ Thị Thảo V, sinh ngày 04/12/2006. Ông T1 đồng ý giao 01 con chung là trẻ Đỗ Thị Thảo V cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, do ông làm nghề lái xe thường xuyên đi xa không có thời gian chăm sóc và do trẻ V là con gái nên cần mẹ chăm sóc. Ông không cấp dưỡng nuôi con do không có khả năng.

- Về tài sản chung và nợ chung : Ông T1 khai không có.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn bà Lê Thị T vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Đỗ Thị Mỹ D, sinh năm 1998 (đã trưởng thành nên không yêu cầu tòa án giải quyết) và Đỗ Thị Thảo V, sinh ngày 04/12/2006. Ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là trẻ Thảo V và không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung : Bà T khai không có

Bị đơn ông Đỗ Văn T1 không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T vì vẫn còn tình cảm thương vợ con. Đồng ý giao trẻ Thảo V cho bà Thuỷ nuôi dưỡng vì từ nhỏ đến nay bà Thuỷ là người trực T1 chăm sóc con.

- Về tài sản chung và nợ chung : Ông T1 khai không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định

của Bộ luật Tố tụng Dân sự về phiên tòa sơ thẩm như: nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, sự có mặt của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa.

- Về nội dung: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của Nguyên đơn tại phiên tòa đã đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Lê Thị T có đơn xin ly hôn ông Đỗ Văn T1, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn ngụ tại quận Tân Bình, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về việc tham gia phiên tòa của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình: Trong vụ án này, Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Lê Thị T có mặt, Bị đơn ông Đỗ Văn T1 có mặt

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn; Hội đồng xét xử thấy:

[2.1.1] Về hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 300/TP/2001, quyền số 02, do Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Cần Thơ (nay là tỉnh Hậu Giang) cấp ngày 20/8/2001 thì quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Hội đồng xét xử nhận thấy theo ý kiến trình bày của nguyên đơn và bị đơn thì giữa hai bên đã có mâu thuẫn tồn tại. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do ông T1 thường hay nhậu nhẹt về nhà đánh vợ con, đập phá đồ đạc và đánh bài gây nợ nần dẫn đến vợ chồng thường cãi nhau. Bà T đã nhiều lần tạo cơ hội để ông T1 sửa đổi tuy nhiên ông T1 không thay đổi. Do hạnh phúc gia đình phải được xây dựng trên nền tảng của sự thương yêu, quý trọng, tin tưởng, chăm sóc, giúp đỡ và tôn trọng nhau nhưng giữa bà T và ông T1 đã không hòa hợp, thiếu sự thương yêu, tin tưởng, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, ông T1 có hành vi bạo lực làm ảnh hưởng đến sức khỏe, tâm lý của bà T.

Xét trình bày của Bị đơn thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng phát sinh là do lỗi của Bị đơn nhậu nhẹt, đánh vợ con, đập phá đồ đạc và gây nợ do đánh bài nhưng không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ con, không muốn gia đình tan vỡ, muốn bà

Thủy tạo thêm cơ hội để ông sửa đổi bản thân. Tuy nhiên ông T1 không có biện pháp, cách thức nào để khắc phục những mâu thuẫn vợ chồng để hai bên hàn gắn.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, việc duy trì quan hệ hôn nhân có thể dẫn đến hậu quả nghiêm trọng hơn. Do đó căn cứ vào Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[2.1.2] *Về con chung*: Bà T và ông T1 có 02 con chung tên Đỗ Thị Mỹ D, sinh năm 1998 (đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết) và Đỗ Thị Thảo V, sinh ngày 04/12/2006. Xét yêu cầu của nguyên đơn xin trực T1 nuôi dưỡng con chung là Đỗ Thị Thảo V là phù hợp với nguyện vọng của trẻ, không làm ảnh hưởng đến sinh hoạt, học tập của trẻ và ông T1 cũng đồng ý nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông T1 do bà T không yêu cầu.

[2.1.3] *Về tài sản chung*: Bà T và ông T1 khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.1.4] *Về nợ chung*: Bà T và ông T1 khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.2] *Về ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh*: Yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp theo quy định pháp luật, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận thấy quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh là đúng quy định pháp luật nên chấp nhận.

Từ phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[3] *Về án phí*: Án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng do nguyên đơn chịu toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn bà Lê Thị T:

- *Về hôn nhân*: Bà Lê Thị T được ly hôn với ông Đỗ Văn T1.

- *Về con chung*: có 02 con chung tên Đỗ Thị Mỹ D, sinh năm 1998 (đã trưởng thành nên không yêu cầu tòa án giải quyết) và Đỗ Thị Thảo V, sinh ngày 04/12/2006. Giao con chung tên Đỗ Thị Thảo V, sinh ngày 04/12/2006 cho bà Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông Đỗ Văn T1 do bà T không yêu cầu.

Ông Đỗ Văn T1 được quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Bà T và ông T1 khai không có.

- *Về nợ chung*: Bà T và ông T1 khai không có.

2. Về án phí:

Án phí ly hôn sơ thẩm bà Lê Thị T phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án bà T đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số 0068660 ngày 10/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã Tân Bình, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Cần Thơ (nay là tỉnh Hậu Giang),
Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Ngọc Tâm

